Điền vào phiếu

Nghĩa tiếng Anh	Nghĩa tiếng Việt
1. Living room	
2. Bathroom	
3. Kitchen	
4. Bedroom	
5. Hall	
6. Dining room	
7. Television	
8. Mirror	
9. Lamp	
10. Bookcase	
11. Rug	
12. Window	
13. Picture	
14. Armchair	
15. Door	
16. Sofa	
17. Pillow	

LIVEWORKSHEETS